

Bản án số: 139/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2026

V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Việt Bắc

Ông Đào Quốc Kiểng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Như Ý, sinh năm 1994; căn cước công dân số 091194009990.

Địa chỉ cư trú: **Ấp I Chợ, xã Đ, tỉnh An Giang** (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Đặng Văn K**, sinh năm 1980

Địa chỉ cư trú: **Ấp A, xã U, tỉnh Cà Mau** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/01/2026 bà Trần Thị Như Ý trình bày:

Bà và ông **K** tự nguyện tìm hiểu và được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm nên cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài và không còn chung sống với nhau khoảng 1 năm nay. Bà Ý yêu cầu được ly hôn với ông **K**.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông **Đặng Văn K** đúng theo quy định pháp luật nhưng ông **K** không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Ý và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa bà Trần Thị Như Ý với ông **Đặng Văn K** là tranh chấp ly hôn, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Như Ý có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông **Đặng Văn K** vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt bà Ý và ông **K** theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Ý và ông **K** tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2019, không có đăng ký kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân, bà Ý yêu cầu được ly hôn với ông **K**. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập nhiều lần nhưng ông **K** vắng mặt không lý do, ông **K** cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của bà Ý. Theo Luật hôn nhân và gia đình tại khoản 1 Điều 14 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*” và tại khoản 2 Điều 53 quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Do đó, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Như Ý với ông **Đặng Văn K**.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Ý xác định không có, không yêu cầu giải quyết; ông **K** cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Như Ý phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Như Ý với ông **Đặng Văn K.**

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Như Ý phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Ý đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000173 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Bà Trần Thị Như Ý và ông **Đặng Văn K** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD,KT,TT&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau (1b);
- Phòng THA khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyễn

